TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 08/02/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Khải và ông Lò Văn Thương
- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Huy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L; Sinh năm: 1999;
Nơi ĐKNKTT: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
Chỗ ở: Bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn D; Sinh năm: 1992;
Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị L và anh Lò Văn D về chung sống với nhau từ đầu năm 2017 nhưng đến ngày 23/7/2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hua Thanh, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị biết anh D nghiện ma túy nên không chăm lo cuộc sống gia đình, cuộc sống giữa hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2020. Nay xét thấy tình cảm không còn chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D;

Về con chung: anh chị có một con chung là cháu Lò Thị Diễm Ng sinh ngày 31/05/2018, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, chị L có nguyện vọng

được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ng, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị L khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/12/2020 và quá trình giải quyết anh D trình bày:

Việc kết hôn đúng như chị L trình bày, về cuộc sống chung của hai vợ chồng thì chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được, chị L đã bỏ về bố mẹ đẻ sinh sống nên hai bên đã ly thân từ tháng 3 năm 2020. Chị L nộp đơn ly hôn anh D không ý kiến gì, anh cho rằng tình cảm không còn nhưng không đồng ý ly hôn với chị L vì anh muốn được chị L trả cho anh D 01 chỉ vàng là quà cưới của bố mẹ anh D cho chị L. Anh D chỉ đồng ý ly hôn khi chị L để cho anh D nuôi dưỡng cháu Ng và phải trả cho anh D chỉ vàng trên.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lò Thị Diễm Ng sinh ngày 31/05/2018, nếu phải ly hôn anh D cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Anh D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của hai vợ chồng xác định: Hai vợ chồng chị L và anh D sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ tháng 03 năm 2020 đến nay. Hai anh chị có một con chung đang ở với anh D. Hiện anh D, chị L làm ruộng và làm thuê nên đều có điều kiện nuôi con.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải cho hai anh chị nhưng hai bên đều không thống nhất được vấn đề cần giải quyết. Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh D đến phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, nguyên đơn còn vắng mặt tại phien tòa không có lý do là vi phạm nghĩa vụ theo qui định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại điện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xử cho chị L được ly hôn với anh D; Căn cứ các điều 69, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Ngọc cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn cho chị L tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 22/10/2020 chị Hoàng Thị L nộp đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn D; Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị L có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014. Ngày 22/10/2020 chị L được miễn nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị L theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Hoàng Thị L và anh Lò Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Lò Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hua Thanh, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 23/7/2018, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Hiện chị L và anh D đã ly thân không còn ở cùng nhau, không quan tâm, tôn trọng và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã. Hai bên gia đình đã hòa giải, hàn gắn cho anh chị nhưng không thành. Những nội dung trên các bên đều thừa nhận, Ủy ban nhân dân xã Hua Thanh, huyện Điện Biên cũng đã xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai bên đương sự đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị L, giải quyết cho ly hôn giữa chị L với anh D.

Chị L cho rằng anh D nghiện ma túy nhưng không có căn cứ chứng minh; anh D không đồng ý ly hôn vì muốn chị L trả cho 01 chỉ vàng là lý do không hợp lý để kéo dài cuộc hôn nhân nên hội đồng xét xử không chấp nhận các quan điểm của chị L, anh D.

Về con chung: Chị L và anh D có một con chung là Lò Thị Diễm Ng sinh ngày 31/05/2018. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu là phù hợp với đặc điểm tâm lý, giới tính của cháu Ng; Hiện chị L đang đi làm thuê, có thu nhập đủ để đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị L là chính đáng, phù hợp với qui định của pháp luật nên căn cứ các qui định tại điều 58, điều 69, các khoản 1, 3 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Ng cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Nguyện vọng của anh D không phù hợp qui định tại khoản 3 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên không được chấp nhận. Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí: Chị L là cá nhân thuộc hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị L có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án cho chị L theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L, cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Lò Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là Lò Thị Diễm Ng sinh ngày 31/05/2018 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*08/02/2021*), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc

Nơi nhận:
- *VKSND HĐB;*
- *UBND xã H;*
- *Chi cục THADS HĐB;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP;*